

MÔN KHOA HỌC

I – MỤC TIÊU

Môn Khoa học ở cấp Tiểu học nhằm giúp học sinh đạt được :

1. Một số kiến thức cơ bản ban đầu về :

- Sự trao đổi chất, nhu cầu dinh dưỡng, sự sinh sản, sự lớn lên của cơ thể người. Cách phòng tránh một số bệnh thông thường và bệnh truyền nhiễm.
- Sự trao đổi chất, sự sinh sản của thực vật, động vật.
- Đặc điểm và ứng dụng của một số chất, một số vật liệu và nguồn năng lượng thường gặp trong đời sống và sản xuất.

2. Một số kĩ năng ban đầu :

- □ng xử thích hợp trong một số tình huống có liên quan đến sức khoẻ của bản thân, gia đình và cộng đồng.
- Quan sát và làm một số thí nghiệm đơn giản, gần gũi với đời sống, sản xuất.
- Nêu thắc mắc, đặt câu hỏi trong quá trình học tập, tìm thông tin để giải đáp, diễn đạt những hiểu biết bằng lời nói, bài viết, hình vẽ, sơ đồ,...
- Phân tích, so sánh, rút ra những dấu hiệu chung và riêng của một số sự vật, hiện tượng đơn giản trong tự nhiên.

3. Một số thái độ và hành vi :

- Tự giác thực hiện các quy tắc vệ sinh, an toàn cho bản thân, gia đình và cộng đồng.
- Ham hiểu biết khoa học, có ý thức vận dụng những kiến thức đã học vào đời sống.
- Yêu con người, thiên nhiên, đất nước, yêu cái đẹp.
- Tích cực tham gia bảo vệ môi trường xung quanh.

II – NỘI DUNG

1. Kế hoạch dạy học

Lớp	Số tiết/tuần	Số tuần	Tổng số tiết/năm
4	2	35	70
5	2	35	70
Cộng (toàn cấp)		70	140

2. Nội dung dạy học từng lớp

LỚP 4

2 tiết/tuần × 35 tuần = 70 tiết

CHỦ ĐỀ	NỘI DUNG
Con người và sức khỏe	1. Trao đổi chất ở người 1.1. Một số biểu hiện về sự trao đổi chất giữa cơ thể người với môi trường 1.2. Vai trò của các cơ quan trong sự trao đổi chất giữa cơ thể người với môi trường 2. Nhu cầu dinh dưỡng 2.1. Một số chất dinh dưỡng có trong thức ăn và vai trò của chúng đối với cơ thể 2.2. Dinh dưỡng hợp lí

CHỦ ĐỀ	NỘI DUNG
	<p>2.3. An toàn thực phẩm</p> <p>3. Vệ sinh phòng bệnh</p> <p>3.1. Phòng một số bệnh do ăn thiếu hoặc thừa chất dinh dưỡng</p> <p>3.2. Phòng một số bệnh lây qua đường tiêu hoá</p> <p>4. An toàn trong cuộc sống</p> <p>Phòng tránh tai nạn đuối nước</p>
<p>Vật chất và năng lượng</p>	<p>1. Nước</p> <p>1.1. Tính chất</p> <p>1.2. Vai trò</p> <p>1.3. Sử dụng và bảo vệ nguồn nước</p> <p>2. Không khí</p> <p>2.1. Tính chất, thành phần</p> <p>2.2. Vai trò</p> <p>2.3. Bảo vệ bầu không khí</p> <p>3. Ánh sáng</p> <p>3.1. Vật tự phát sáng và vật được chiếu sáng</p> <p>3.2. Vật cho ánh sáng đi qua và vật cản sáng</p>

CHỦ ĐỀ	NỘI DUNG
	<p>3.3. Vai trò của ánh sáng. Sử dụng ánh sáng trong đời sống</p> <p>4. Nhiệt</p> <p>4.1. Nhiệt độ, nhiệt kế</p> <p>4.2. Nguồn nhiệt, vật dẫn nhiệt và vật cách nhiệt</p> <p>4.3. Vai trò của nhiệt. Sử dụng an toàn và tiết kiệm một số nguồn nhiệt trong sinh hoạt</p> <p>5. Âm thanh</p> <p>5.1. Nguồn âm</p> <p>5.2. Vai trò của âm thanh trong cuộc sống</p> <p>5.3. Một số biện pháp chống tiếng ồn</p>
<p>Thực vật và động vật</p>	<p>1. Trao đổi chất ở thực vật</p> <p>1.1. Nhu cầu không khí, nước, chất khoáng, ánh sáng, nhiệt</p> <p>1.2. Sự trao đổi chất giữa thực vật với môi trường</p> <p>2. Trao đổi chất ở động vật</p> <p>2.1. Nhu cầu không khí, nước, thức ăn, ánh sáng, nhiệt</p> <p>2.2. Sơ đồ sự trao đổi chất giữa động vật với môi trường</p> <p>3. Chuỗi thức ăn trong tự nhiên</p> <p>3.1. Một số ví dụ về chuỗi thức ăn trong tự nhiên</p> <p>3.2. Vai trò của thực vật đối với sự sống trên Trái Đất</p>

LỚP 5

2 tiết/tuần × 35 tuần = 70 tiết

CHỦ ĐỀ	NỘI DUNG
Con người và sức khỏe	<p>1. Sự sinh sản và phát triển của cơ thể người</p> <p>1.1. Sự sinh sản</p> <p>1.2. Sự lớn lên và phát triển của cơ thể người</p> <p>2. Vệ sinh phòng bệnh</p> <p>2.1. Vệ sinh ở tuổi dậy thì</p> <p>2.2. Phòng tránh một số bệnh truyền nhiễm</p> <p>3. An toàn trong cuộc sống</p> <p>3.1. Sử dụng thuốc an toàn</p> <p>3.2. Không sử dụng các chất gây nghiện</p> <p>3.3. Phòng tránh bị xâm hại</p> <p>3.4. Phòng tránh tai nạn giao thông</p>
Vật chất và năng lượng	<p>1. Đặc điểm và ứng dụng của một số vật liệu thường dùng</p> <p>1.1. Tre, mây, song</p> <p>1.2. Sắt, gang, thép, đồng, nhôm</p> <p>1.3. Đá vôi, gạch, ngói, xi măng, thủy tinh</p> <p>1.4. Cao su, chất dẻo, tơ sợi</p>

CHỦ ĐỀ	NỘI DUNG
	<p>2. Sự biến đổi của chất</p> <p>2.1. Ba thể của chất</p> <p>2.2. Hỗn hợp và dung dịch</p> <p>2.3. Sự biến đổi hoá học</p> <p>3. Sử dụng năng lượng</p> <p>3.1. Năng lượng than đá, dầu mỏ, khí đốt</p> <p>3.2. Năng lượng mặt trời, gió, nước</p> <p>3.3. Năng lượng điện</p>
<p>Thực vật và động vật</p>	<p>1. Sự sinh sản của thực vật</p> <p>1.1. Cơ quan sinh sản</p> <p>1.2. Trồng cây bằng hạt, thân, lá, rễ</p> <p>2. Sự sinh sản của động vật</p> <p>2.1. Một số động vật đẻ trứng</p> <p>2.2. Một số động vật đẻ con</p>
<p>Môi trường và tài nguyên thiên nhiên</p>	<p>1. Môi trường và tài nguyên</p> <p>1.1. Môi trường</p> <p>1.2. Tài nguyên thiên nhiên</p>

CHỦ ĐỀ	NỘI DUNG
	<p>2. Mối quan hệ giữa môi trường và con người</p> <p>2.1. Vai trò của môi trường đối với con người</p> <p>2.2. Tác động của con người đối với môi trường</p> <p>2.3. Một số biện pháp bảo vệ môi trường</p>

III – CHUẨN KIẾN THỨC, KĨ NĂNG

LỚP 4

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
<p>I – CON NGƯỜI VÀ SỨC KHỎE</p> <p>1. Trao đổi chất ở người</p>	<p><i>Kiến thức</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được những yếu tố cần cho sự sống của con người. - Nêu được một số biểu hiện về sự trao đổi chất giữa cơ thể người với môi trường. - Kể được tên một số cơ quan tham gia trực tiếp vào quá trình trao đổi chất. Biết được nếu một cơ quan ngừng hoạt động thì cơ thể sẽ chết. 	<ul style="list-style-type: none"> - Thức ăn, nước uống, không khí, ánh sáng, nhiệt độ. - Các cơ quan trực tiếp tham gia vào quá trình trao đổi chất ở người : tiêu hoá, hô hấp, tuần hoàn, bài tiết.

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
2. Nhu cầu dinh dưỡng của cơ thể	<p>Kĩ năng</p> <p>Thể hiện sự trao đổi chất giữa cơ thể với môi trường bằng sơ đồ đơn giản.</p>	
	<p>Kiến thức</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kể tên những thức ăn có chứa nhiều chất đạm, chất bột đường, chất béo, các vi-ta-min, chất khoáng, chất xơ. - Nêu được vai trò của chất đạm, chất bột đường, chất béo, vi-ta-min, chất khoáng, chất xơ đối với cơ thể. - Nêu được sự cần thiết phải ăn phối hợp nhiều loại thức ăn và thường xuyên thay đổi món. - Nêu được một số tiêu chuẩn của thực phẩm sạch và an toàn. - Nêu được một số biện pháp thực hiện vệ sinh an toàn thực phẩm. - Kể tên một số cách bảo quản thức ăn. 	<ul style="list-style-type: none"> - Thịt, cá, trứng, tôm, cua,... chứa nhiều chất đạm. - Gạo, bánh mì, ngô, khoai,... chứa nhiều chất bột đường. - Mỡ, dầu, bơ,... chứa nhiều chất béo. - Cà rốt, gấc, lòng đỏ trứng, các loại rau,... chứa nhiều vi-ta-min. - Thịt, cá, trứng, các loại rau có lá màu xanh thẫm,... chứa nhiều chất khoáng. - Các loại rau chứa nhiều chất xơ. - Làm khô, ướp lạnh, ướp mặn, đóng hộp,...

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
	<p><i>Kĩ năng</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết phân loại thức ăn theo nhóm chất dinh dưỡng. - Quan sát bảng "Tháp dinh dưỡng cân đối cho một người trong một tháng" và nói được tên nhóm thức ăn cần ăn đủ, ăn vừa phải, ăn có mức độ, ăn ít và ăn hạn chế. - Thực hiện một số biện pháp bảo quản thức ăn ở nhà. 	
<p>3. Vệ sinh phòng bệnh</p>	<p><i>Kiến thức</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu cách phòng tránh một số bệnh do ăn thiếu hoặc ăn thừa chất dinh dưỡng. - Kể tên, nguyên nhân và cách phòng tránh một số bệnh lây qua đường tiêu hoá. - Nhận biết người bệnh cần được ăn uống đủ chất, chỉ một số bệnh phải ăn kiêng. <p><i>Kĩ năng</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện giữ vệ sinh ăn uống để phòng bệnh. - Phân biệt được lúc cơ thể khoẻ mạnh và lúc cơ thể bị bệnh. - Biết nói với cha mẹ, người lớn khi cảm thấy trong người khó chịu, không bình thường. - Biết ăn uống hợp lí khi bị bệnh. - Biết cách phòng chống mất nước khi bị tiêu chảy. 	

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
<p>4. An toàn trong cuộc sống</p>	<p>Kiến thức Nêu được một số việc nên và không nên làm để phòng tránh tai nạn đuối nước.</p> <p>Kĩ năng Thực hiện được các quy tắc an toàn phòng tránh đuối nước.</p>	
<p>II – VẬT CHẤT VÀ NĂNG LƯỢNG</p> <p>1. Nước</p>	<p>Kiến thức</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được một số tính chất của nước và ứng dụng một số tính chất đó trong đời sống. - Nêu được nước tồn tại ở ba thể : lỏng, khí, rắn. - Mô tả vòng tuần hoàn của nước trong tự nhiên. - Nêu được vai trò của nước trong đời sống, sản xuất và sinh hoạt. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nước là chất lỏng, trong suốt, không màu, không mùi, không vị, không có hình dạng nhất định ; nước chảy từ cao xuống thấp, chảy lan ra khắp mọi phía, thấm qua một số vật và hoà tan một số chất. - Nước giúp cơ thể hấp thu được những chất dinh dưỡng hoà tan lấy từ thức ăn và tạo thành các chất cần cho sự sống của sinh vật. Nước giúp thải các chất thừa, chất độc hại.

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được một số cách làm sạch nước. - Nêu được một số nguyên nhân làm ô nhiễm nguồn nước và các biện pháp bảo vệ nguồn nước. <p>Kĩ năng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quan sát và làm thí nghiệm để phát hiện ra một số tính chất của nước. - Làm thí nghiệm về sự chuyển thể của nước. - Thể hiện vòng tuần hoàn của nước trong tự nhiên bằng sơ đồ. - Thực hiện tiết kiệm nước và bảo vệ nguồn nước. 	<p>Nước được sử dụng trong đời sống hằng ngày, trong sản xuất nông nghiệp, công nghiệp.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lọc, khử trùng, đun sôi,...
2. Không khí	<p>Kiến thức</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được một số tính chất và thành phần của không khí. <p>- Nêu được ví dụ về ứng dụng một số tính chất của</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Không khí trong suốt, không màu, không mùi, không có hình dạng nhất định ; không khí có thể bị nén lại và giãn ra. - Thành phần chính của không khí gồm khí nitơ và khí ô-xi. Ngoài ra còn có khí các-bô-níc, hơi nước, bụi, vi khuẩn,... - Ví dụ : bơm xe,...

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
	<p>không khí trong đời sống.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được vai trò và ứng dụng của không khí đối với sự sống và sự cháy. - Nêu được một số tác hại của bão và cách phòng chống. - Nêu được một số nguyên nhân gây ô nhiễm không khí và một số biện pháp bảo vệ không khí trong sạch. <p>Kĩ năng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm thí nghiệm để nhận biết xung quanh mọi vật và chỗ rỗng bên trong vật đều có không khí. - Quan sát và làm thí nghiệm để phát hiện ra một số tính chất của không khí. - Làm thí nghiệm để nhận ra không khí chuyển động tạo thành gió. Giải thích được nguyên nhân gây ra gió. 	
3. Nhiệt	<p>Kiến thức</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được vật nóng hơn thì có nhiệt độ cao hơn, vật lạnh hơn thì có nhiệt độ thấp hơn. - Nhận biết được vật ở gần vật nóng hơn thì thu nhiệt nên nóng lên ; vật ở gần vật lạnh hơn thì toả nhiệt nên lạnh đi. - Kể được tên một số vật dẫn nhiệt tốt và dẫn 	<ul style="list-style-type: none"> - Các kim loại (đồng, nhôm,...) dẫn nhiệt tốt.

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
4. Ánh sáng	nhiệt kém. - Nhận biết được chất lỏng nở ra khi nóng lên, co lại khi lạnh đi. - Kể tên và nêu được vai trò của một số nguồn nhiệt. Kĩ năng - Sử dụng được nhiệt kế để xác định nhiệt độ cơ thể, nhiệt độ không khí. - Thực hiện được một số biện pháp an toàn, tiết kiệm khi sử dụng các nguồn nhiệt trong sinh hoạt.	Không khí, các vật xốp như bông, len,... dẫn nhiệt kém. - Ví dụ : theo dõi khi đun nấu ; tắt bếp khi nấu xong ;...
	Kiến thức - Nêu được ví dụ về các vật tự phát sáng và các vật được chiếu sáng. - Nêu được một số vật cho ánh sáng truyền qua và một số vật không cho ánh sáng truyền qua. - Nêu được vai trò của ánh sáng đối với sự sống. - Nhận biết được ta chỉ nhìn thấy vật khi có ánh sáng từ vật truyền tới mắt. - Nhận biết được bóng tối ở phía sau vật cản sáng khi vật này được chiếu sáng. Khi vị trí của vật cản sáng thay đổi thì bóng của vật thay đổi. Kĩ năng Tránh để ánh sáng quá mạnh chiếu vào mắt. Tránh đọc, viết dưới ánh sáng quá yếu.	- Vật tự phát sáng : Mặt Trời, ngọn lửa,... - Vật được chiếu sáng : Mặt Trăng, bàn ghế,... - Không nhìn thẳng vào Mặt Trời, không chiếu đèn pin vào mắt nhau,...

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
<p>5. Âm thanh</p>	<p>Kiến thức</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết âm thanh do vật rung động phát ra. - Nêu ví dụ chứng tỏ âm thanh có thể truyền qua chất khí, chất lỏng, chất rắn. - Nêu được ví dụ về ích lợi của âm thanh trong cuộc sống. - Nêu được ví dụ về tác hại của tiếng ồn và một số biện pháp chống tiếng ồn. <p>Kĩ năng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện các quy định không gây ồn nơi công cộng. - Biết cách phòng chống tiếng ồn trong cuộc sống. 	<ul style="list-style-type: none"> - Âm thanh dùng để giao tiếp trong sinh hoạt, học tập, lao động, giải trí ; dùng để báo hiệu (còi tàu, xe ; trống trường,...). - Ảnh hưởng đến sức khoẻ (đau đầu, mất ngủ) ; gây mất tập trung trong công việc, học tập ;... - Ví dụ : bịt tai khi nghe âm thanh quá to, đóng cửa để ngăn cách tiếng ồn,...
<p>III – THỰC VẬT VÀ ĐỘNG VẬT</p> <p>1. Trao đổi chất ở thực vật</p>	<p>Kiến thức</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được những yếu tố cần để duy trì sự sống của thực vật. - Trình bày được sự trao đổi chất của thực vật với môi trường. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nước, không khí, ánh sáng, nhiệt độ và chất khoáng. - Thực vật thường xuyên phải lấy từ môi trường các chất khoáng, khí cac-bô-níc, nước, khí ô-xi và thải ra hơi nước, khí ô-xi,

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
2. Trao đổi chất ở động vật	<p>Kĩ năng</p> <p>Thể hiện sự trao đổi chất giữa thực vật với môi trường bằng sơ đồ.</p>	khí các-bô-níc, chất khoáng khác,...
	<p>Kiến thức</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được những yếu tố cần để duy trì sự sống của động vật. - Trình bày được sự trao đổi chất của động vật với môi trường. <p>Kĩ năng</p> <p>Thể hiện sự trao đổi chất giữa động vật với môi trường bằng sơ đồ.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nước, không khí, ánh sáng, nhiệt độ và thức ăn. - Động vật thường xuyên phải lấy từ môi trường thức ăn, nước, khí ô-xi và thải ra các chất cặn bã, khí các-bô-níc, nước tiểu,...
3. Chuỗi thức ăn trong tự nhiên	<p>Kiến thức</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được ví dụ về chuỗi thức ăn trong tự nhiên. - Nêu được vai trò của thực vật đối với sự sống trên Trái Đất. <p>Kĩ năng</p> <p>Thể hiện mối quan hệ về thức ăn giữa sinh vật này với sinh vật khác bằng sơ đồ.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nhờ quá trình quang hợp, thực vật cung cấp chất dinh dưỡng và khí ô-xi cho người và động vật, duy trì sự sống trên Trái Đất.

LỚP 5

CHỦ ĐỀ	NỘI DUNG	CHỦ ĐỀ
<p>I – CON NGƯỜI VÀ SỨC KHỎE</p> <p>1. Sự sinh sản và phát triển của cơ thể người</p>	<p>Kiến thức</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết mọi người đều do bố mẹ sinh ra và có những đặc điểm giống với bố mẹ của mình. - Nêu được các giai đoạn phát triển của con người. - Nêu được một số thay đổi về sinh học và xã hội ở từng giai đoạn phát triển của con người. - Nhận ra sự cần thiết phải thay đổi một số quan niệm của xã hội về vai trò của nam, nữ. <p>Kĩ năng</p> <p>Tôn trọng các bạn cùng giới và khác giới, không phân biệt nam, nữ.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Ví dụ : giai đoạn ấu thơ, vị thành niên, trưởng thành, tuổi già.
<p>2. Vệ sinh phòng bệnh</p>	<p>Kiến thức</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được những việc nên và không nên làm để giữ vệ sinh, bảo vệ sức khoẻ ở tuổi dậy thì. - Nêu được nguyên nhân, đường lây truyền và cách phòng tránh một số bệnh. <p>Kĩ năng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện vệ sinh cá nhân ở tuổi dậy thì. - Biết cách phòng tránh một số bệnh truyền nhiễm. 	<ul style="list-style-type: none"> - Sốt rét, sốt xuất huyết, viêm não, viêm gan, HIV/AIDS.

CHỦ ĐỀ	NỘI DUNG	CHỦ ĐỀ
<p>3. An toàn trong cuộc sống</p>	<p>Kiến thức</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận thức được sự cần thiết phải dùng thuốc an toàn. - Nêu được tác hại của ma túy, thuốc lá, rượu, bia. - Nêu được một số quy tắc an toàn cá nhân để phòng tránh bị xâm hại. - Nêu được một số việc nên và không nên làm để đảm bảo an toàn khi tham gia giao thông. <p>Kĩ năng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Từ chối sử dụng rượu, bia, thuốc lá, ma túy. - Nhận biết được nguy cơ khi bản thân có thể bị xâm hại. - Biết cách phòng tránh và ứng phó khi có nguy cơ bị xâm hại. 	
<p>II – VẬT CHẤT VÀ NĂNG LƯỢNG</p> <p>1. Đặc điểm và ứng dụng của một số vật liệu thường dùng</p>	<p>Kiến thức</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết một số đặc điểm của tre, mây, song. - Kể được tên một số đồ dùng làm từ tre, mây, song. - Nhận biết một số tính chất của sắt, gang, thép, đồng, nhôm. 	<ul style="list-style-type: none"> - Ví dụ : Đồng có ánh kim, dẻo (dễ uốn, dễ kéo dài thành sợi, dễ rèn, dập).

CHỦ ĐỀ	NỘI DUNG	CHỦ ĐỀ
	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được một số ứng dụng trong sản xuất và đời sống của sắt, gang, thép, đồng, nhôm. - Nêu được một số tính chất của đá vôi và công dụng của đá vôi. - Nhận biết một số tính chất của gạch, ngói, xi măng, thủy tinh. - Nêu được một số cách bảo quản xi măng, các đồ dùng bằng thủy tinh. - Nhận biết một số tính chất của cao su, chất dẻo và tơ sợi. - Nêu được một số công dụng, cách bảo quản các đồ dùng bằng cao su, chất dẻo và tơ sợi. <p>Kĩ năng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quan sát nhận biết một số đồ dùng làm từ tre, mây, song. - Quan sát nhận biết một số đồ dùng làm từ gang, thép ; đồng và nhôm. - Quan sát nhận biết một số vật liệu xây dựng : gạch, ngói, xi măng, đá vôi. - Phân biệt tơ sợi tự nhiên và tơ sợi nhân tạo. 	<ul style="list-style-type: none"> - Ví dụ : Đá vôi bị sủi bọt khi tiếp xúc với a-xít. - Cao su : đàn hồi. - Chất dẻo : không dẫn điện, cách nhiệt. - Tơ sợi tự nhiên : khi cháy có tàn tro. - Tơ sợi nhân tạo : khi cháy sợi vón cục lại.

CHỦ ĐỀ	NỘI DUNG	CHỦ ĐỀ
<p>2. Sự biến đổi của chất</p>	<p>Kiến thức</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được ví dụ về một số chất ở thể rắn, thể lỏng và thể khí. - Nêu được một số ví dụ về hỗn hợp và dung dịch. - Nêu được một số ví dụ về biến đổi hoá học xảy ra do tác dụng của nhiệt hoặc tác dụng của ánh sáng. <p>Kĩ năng</p> <p>Thực hành tách các chất ra khỏi một số hỗn hợp và dung dịch.</p>	
<p>3. Năng lượng</p>	<p>Kiến thức</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết mọi hoạt động và biến đổi đều cần năng lượng. Nêu được ví dụ. - Kể tên một số nguồn năng lượng và nêu ví dụ về việc sử dụng chúng trong đời sống và sản xuất. <p>- Nêu được một số biện pháp phòng chống cháy, bỏng, ô nhiễm khi sử dụng năng lượng chất đốt.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng năng lượng mặt trời : chiếu sáng, sưởi ấm, phơi khô, phát điện,... - Sử dụng năng lượng gió : điều hoà khí hậu, làm khô, chạy động cơ gió,... - Sử dụng năng lượng nước chảy : quay guồng nước, chạy máy phát điện,... - Sử dụng năng lượng than đá, dầu mỏ, khí đốt : nấu ăn, thắp sáng, chạy máy,...

CHỦ ĐỀ	NỘI DUNG	CHỦ ĐỀ
	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được một số quy tắc cơ bản sử dụng an toàn, tiết kiệm điện. <p>Kĩ năng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện tiết kiệm năng lượng chất đốt. - Lắp được mạch điện thấp sáng đơn giản. 	<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng pin, bóng đèn, dây dẫn để lắp mạch điện đơn giản.
III – THỰC VẬT VÀ ĐỘNG VẬT 1. Sinh sản của thực vật	<p>Kiến thức</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết hoa là cơ quan sinh sản của thực vật có hoa. - Kể được tên một số hoa thụ phấn nhờ côn trùng, hoa thụ phấn nhờ gió. - Kể được tên một số cây có thể mọc từ thân, cành, lá, rễ của cây mẹ. <p>Kĩ năng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân biệt được nhị và nhụy ; hoa đực và hoa cái. - Chỉ trên hình vẽ hoặc vật thật cấu tạo của hạt. 	<ul style="list-style-type: none"> - Hạt gồm : vỏ, phôi, chất dinh dưỡng dự trữ.
2. Sinh sản của động vật	<p>Kiến thức</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kể được tên một số động vật đẻ trứng và đẻ con. - Nêu được ví dụ về sự nuôi và dạy con của một số 	

CHỦ ĐỀ	NỘI DUNG	CHỦ ĐỀ
	loài thú. Kĩ năng Thể hiện sự sinh sản của côn trùng, ếch bằng sơ đồ.	
IV – MÔI TRƯỜNG VÀ TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN	Kiến thức - Nêu được một số ví dụ về môi trường và tài nguyên. - Nhận biết môi trường có ảnh hưởng lớn đến đời sống của con người. - Nhận biết tác động của con người đối với môi trường và tài nguyên thiên nhiên. - Nêu được một số biện pháp bảo vệ môi trường. Kĩ năng Thực hiện một số biện pháp bảo vệ môi trường.	- Tác động của con người đến môi trường rừng, đất, nước, không khí.

IV – GIẢI THÍCH – HƯỚNG DẪN

1. Quan điểm xây dựng và phát triển chương trình

- Chương trình tích hợp các nội dung của khoa học tự nhiên (vật lí, hoá học, sinh học) với khoa học về sức khoẻ.
- Nội dung được lựa chọn thiết thực, gần gũi và có ý nghĩa với học sinh.
- Chương trình chú trọng đến việc hình thành và phát triển các kĩ năng trong học tập khoa học như quan sát, dự đoán, giải thích các sự vật, hiện tượng tự nhiên đơn giản và kĩ năng vận dụng kiến thức đã học vào cuộc sống.

2. Về phương pháp dạy học

- Vận dụng các phương pháp dạy học theo hướng tích cực, lựa chọn và phối hợp nhiều phương pháp khác nhau như : quan sát, trình bày, động não, đóng vai, trò chơi, thảo luận, tham quan, hỏi - đáp, thí nghiệm, thực hành,...
- Tổ chức cho học sinh thực hiện các hoạt động khám phá nhằm khơi gợi sự tò mò khoa học, thói quen nêu thắc mắc, đặt câu hỏi, tìm câu giải thích khi các em được tiếp cận với thực tế xung quanh.
- Tăng cường tổ chức những hoạt động thực hành, vận dụng kiến thức đã học để giải thích các hiện tượng tự nhiên đơn giản, giải quyết những vấn đề đơn giản trong cuộc sống, phù hợp với lứa tuổi.
- Ngoài tranh, ảnh, sơ đồ, mô hình, giáo viên cần chú trọng sử dụng các đồ vật, hiện tượng tự nhiên, thiên nhiên xung quanh,... để dạy học. Khuyến khích giáo viên tự làm đồ dùng dạy học bằng những vật liệu sẵn có ở địa phương và sử dụng những phương tiện dạy học hiện đại (nếu có).

3. Về đánh giá kết quả học tập của học sinh

- Đánh giá kết quả học tập môn Khoa học cần quan tâm cả ba mặt : kiến thức, kỹ năng và thái độ. Công cụ kiểm tra đánh giá cần được xây dựng theo chuẩn kiến thức, kỹ năng của môn học.
- Kết quả học tập của học sinh được ghi nhận bằng điểm, kết hợp với nhận xét cụ thể của giáo viên.
- Tạo điều kiện cho học sinh tự đánh giá và đánh giá lẫn nhau thông qua các hoạt động học tập cá nhân, học nhóm và học cả lớp.
- Hình thức kiểm tra có thể là vấn đáp hoặc bài viết (có thể sử dụng các câu hỏi trắc nghiệm hoặc tự luận ngắn).

4. Về việc vận dụng chương trình theo vùng miền và các đối tượng học sinh

- Đảm bảo mọi học sinh đều đạt chuẩn kiến thức và kỹ năng môn học.
- Có thể thay đổi trật tự một số bài học cho phù hợp với điều kiện ở địa phương.
- Lựa chọn phương pháp dạy học tùy theo điều kiện của địa phương, nhà trường và đặc điểm đối tượng học sinh.
- Tận dụng các điều kiện cụ thể của địa phương để tổ chức cho học sinh học tập ở ngoài hiện trường (các cơ sở sản xuất, nhà máy, xí nghiệp, mỏ,...).